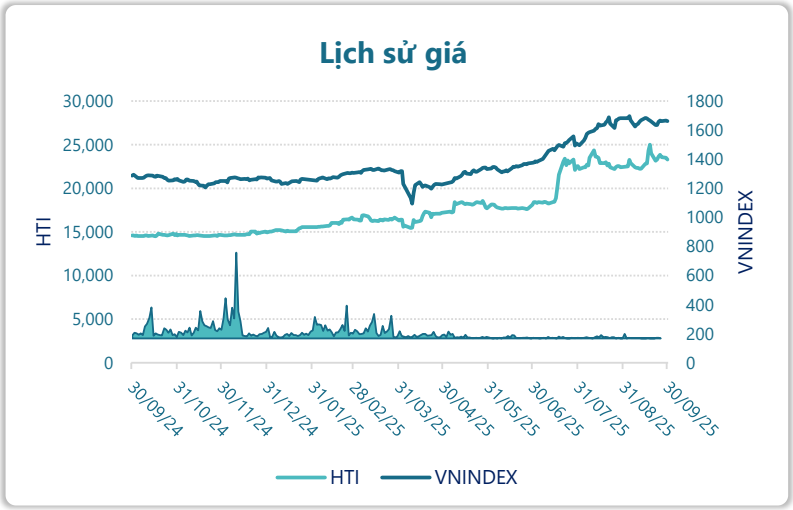
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HSX: HTI)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,494
SL cổ phiếu LH	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132,450
% sở hữu nước ngoài	8.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	581
P/E	4.1
EPS	5,630

DT thuần

Q3/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -6.1%

YoY: ▲ 3.00| 2.6%

LN sau thuế

Q3/25

28.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -24.2%

YoY: ▲ 12.1| 75.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

38.8%

+/- YoY: ▲ 10.6%

DT thuần

9T 2025

365

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 5.8%

LN sau thuế

9T 2025

124

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 76.5| 162%

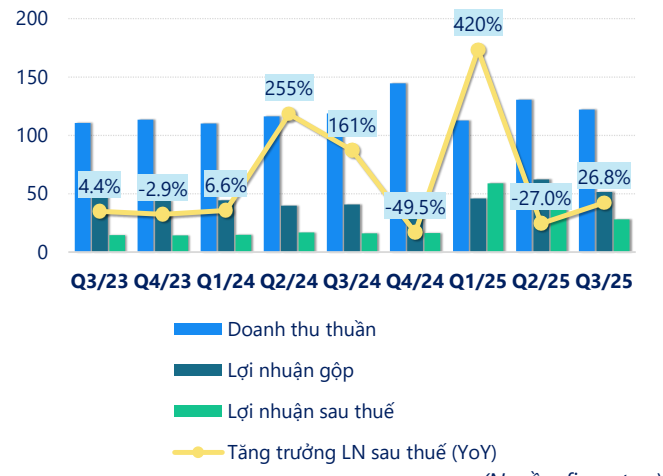
ROE

Q3/25

26.3%

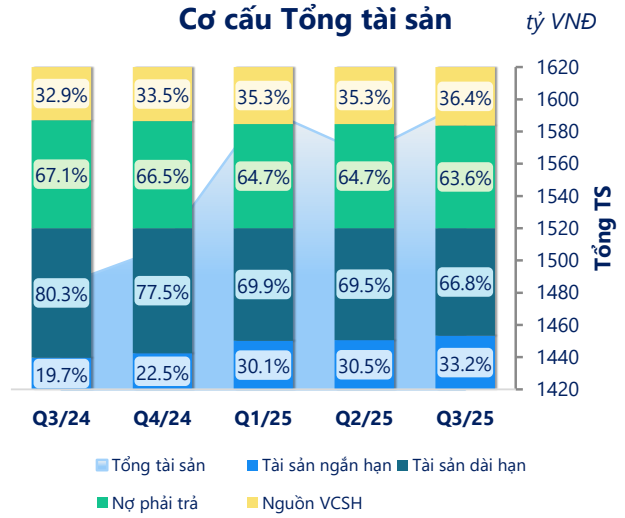
+/- YoY: ▲ 13.4%

Kết quả kinh doanh



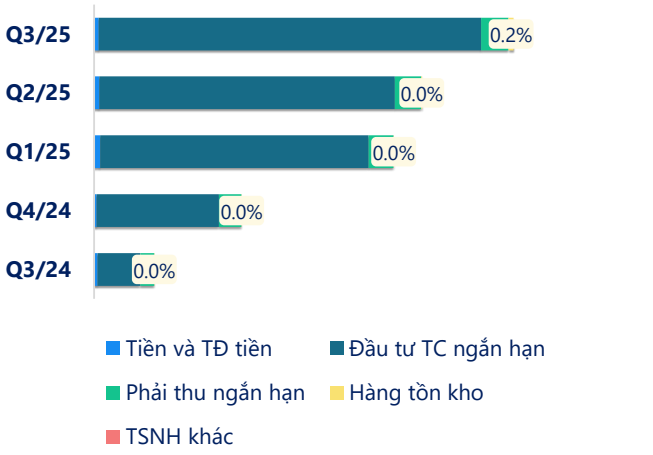
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



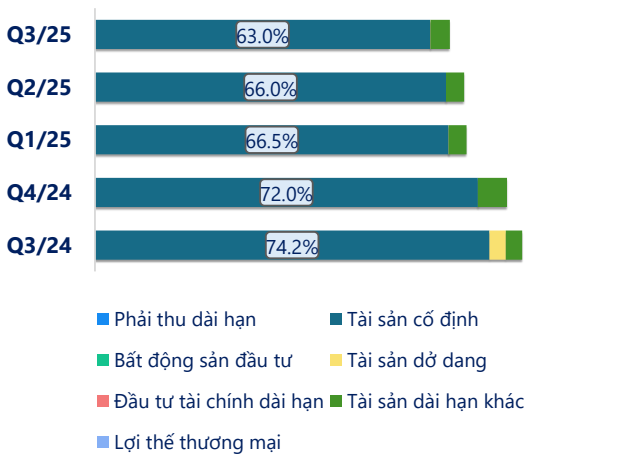
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



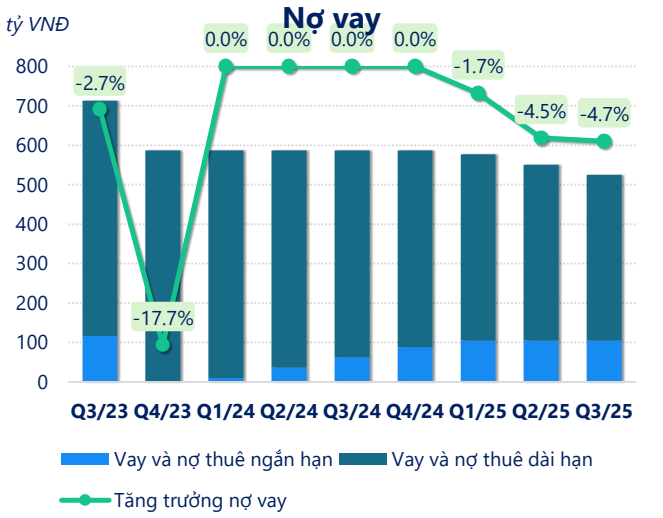
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



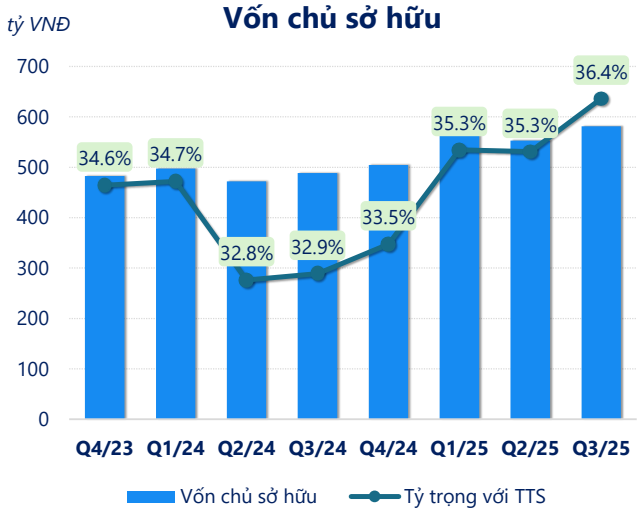
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



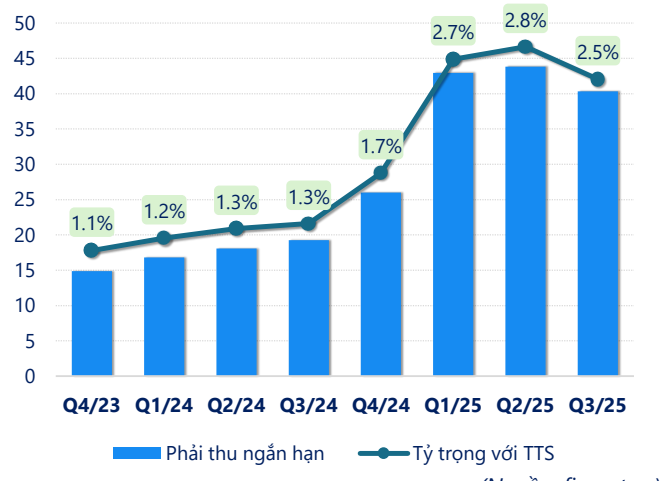
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



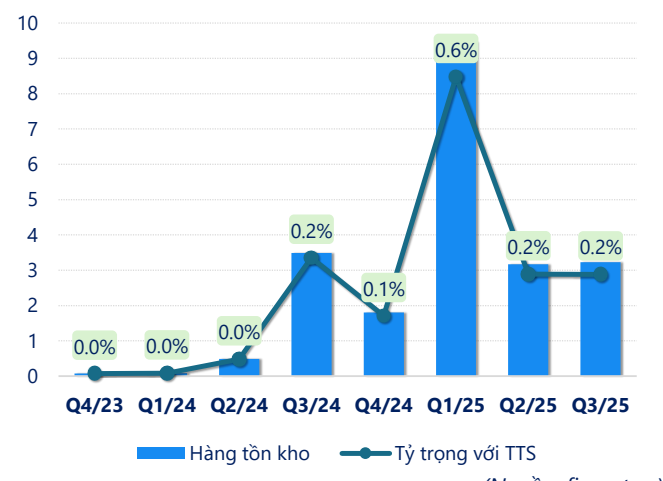
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



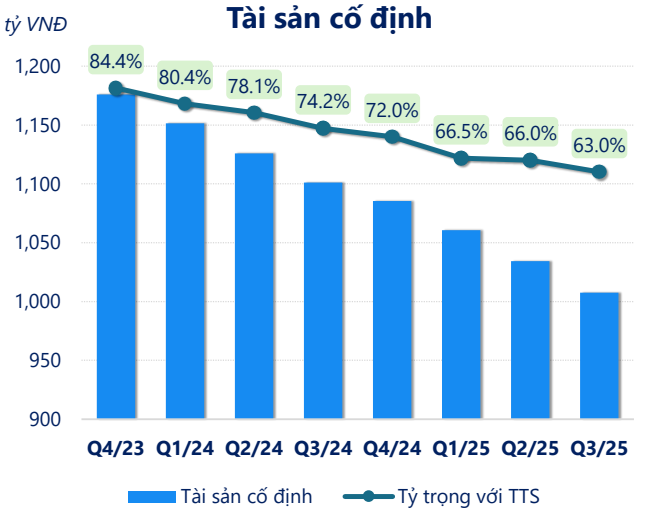
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



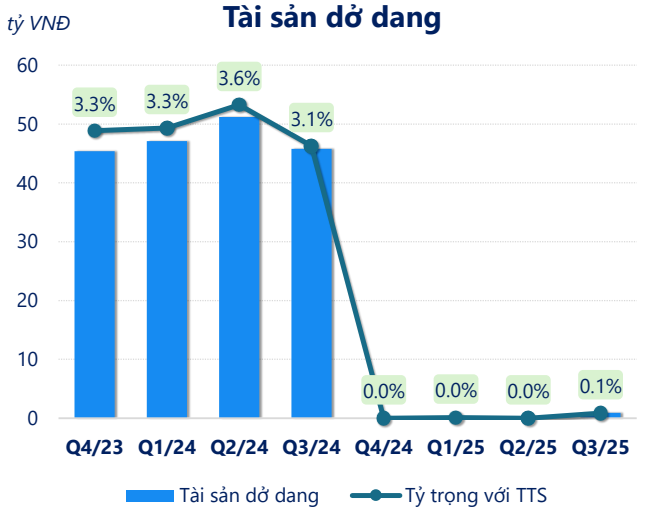
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



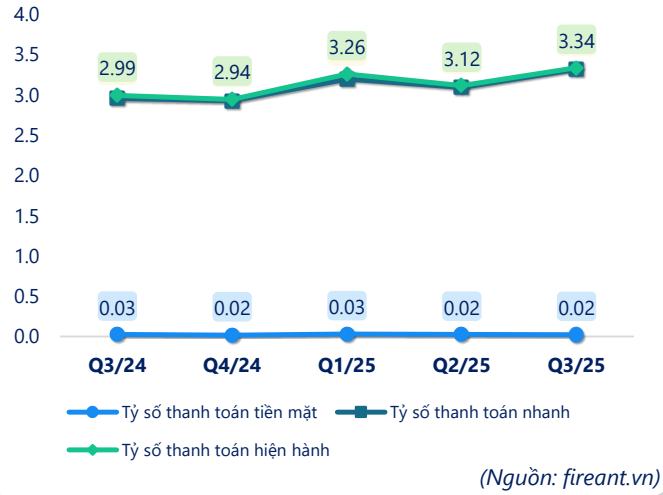
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



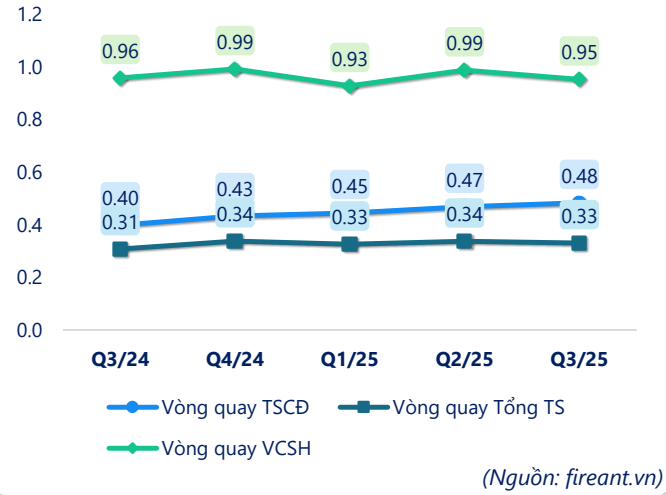
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,485**	**1,507**	**1,594**	**1,566**	**1,598**
Tài sản ngắn hạn	**292**	**339**	**480**	**478**	**531**
Tiền và tương đương tiền	2.47	1.88	4.49	3.71	3.49
Đầu tư tài chính ngắn hạn	267	309	423	428	484
Phải thu ngắn hạn	19.2	26.0	42.9	43.8	40.3
Hàng tồn kho	3.49	1.80	9.46	3.17	3.23
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1,192**	**1,168**	**1,114**	**1,088**	**1,067**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,101	1,085	1,061	1,034	1,008
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	45.8	0	0.14	0	0.93
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	45.7	82.8	53.0	53.5	58.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**996**	**1,003**	**1,031**	**1,013**	**1,017**
Nợ ngắn hạn	**97.6**	**115**	**147**	**154**	**159**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.2	88.4	104	104	104
Phải trả người bán ngắn hạn	5.28	8.41	3.24	10.7	3.42
Nợ dài hạn	899	888	883	860	858
Vay và nợ thuê dài hạn	525	499	473	447	420
Nguồn vốn chủ sở hữu	**488**	**505**	**563**	**553**	**581**
Vốn chủ sở hữu	**488**	**505**	**563**	**553**	**581**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)